TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 19/3/2024
V/v "*Ly hôn giữa bà T với ông C*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hổ

2. Ông Trịnh Ngọc Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Khang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 365/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXX-ST ngày 02 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị Diễm T**, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Số C, khu phố M, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: **Ông Nguyễn Văn C**, sinh năm: 1973

HKTT: ấp T, xã H, huyện C, Bến Tre

Địa chỉ tạm trú: Số C, khu phố M, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre

Bà T có mặt. Ông C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/9/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm T trình bày:

Bà và ông C kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre vào ngày 03/6/2002 do tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bà nghi ngờ ông C có người phụ nữ khác nên ông C hay chửi và đánh đập bà, bà không có báo cơ quan có thẩm quyền sự việc này. Đến năm 2020 ông C có vay ngân hàng S số tiền 150.000.000đồng, đến năm 2023 ông C vay quỹ C thêm 20.000.000đồng. Hai khoản tiền trên ông C đưa toàn bộ cho bà. Ngoài ra ông C không đưa thêm khoản tiền nào để bà lo cho gia đình, mọi chi phí còn lại bà đều lo hết. Ông C hay nặng lời

với bà, vợ chồng không có tiếng nói chung. Bà và ông C đã ly thân với nhau khoản 02 năm nay. Nay tình cảm giữa bà và ông C không còn nên bà xin ly hôn với ông C.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Gia B sinh ngày 06/10/2002 - đã trưởng thành và Nguyễn Bảo Q sinh ngày 05/01/2006. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn. Khoảng năm 2014, ông có kết hợp làm ăn với một đồng nghiệp nữ nhưng bà T hiểu lầm, ông không có quan hệ với người phụ nữ khác như bà T trình bày.Về mâu thuẫn vợ chồng trong cuộc sống vợ chồng cũng có lời qua tiếng lại với nhau chứ không phải ông chửi vợ ông. Do con ông bà đang ở độ tuổi nhạy cảm nên ông có nói vợ ông điều chỉnh lại trong cách dạy con tránh làm các cháu tổn thương, đã có thời gian con trai ông bà bỏ nhà đi suốt mấy tháng. Hiện ông vẫn còn thương bà T. Con gái ông bà hiện đang học lớp 12, nếu vợ chồng ly hôn sẽ ảnh hưởng đến tâm lý và việc học hành của con nên ông không muốn vợ chồng ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Gia B sinh ngày 06/10/2002 và Nguyễn Bảo Q sinh ngày 05/01/2006. Con chung đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: không tranh chấp.

Về nợ chung: ngày 30/01/2020 ông có vay ngân hàng Sacombank số tiền 150.000.000đồng, thời hạn vay đến 25/12/2024, hiện còn nợ 53.900.000đồng. Đến năm 2023 ông vay quỹ CEP thêm 20.000.000 đồng thời hạn vay đến 9/2024, hiện còn nợ 11.000.000đồng. Đây là nợ riêng của ông. Trường hợp ly hôn ông đồng ý trả một mình khoản nợ trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diễm T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn C. Hiện nay, ông C cư trú tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Bà T và ông C tự nguyện kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường P, thành phố B cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/6/2022 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà T và ông C không thống nhất với nhau về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng nhưng mâu thuẫn thực tế là có xảy ra. Tại phiên tòa, bà T xác định không còn tình cảm với ông C. Ông C không đồng ý ly hôn với bà T vì cho rằng vẫn còn tình cảm với bà T. Tuy nhiên, thấy rằng bà T và ông C bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014 và kéo dài cho đến nay. Bà T và ông C đã sống ly thân với nhau khoảng 02 năm nay. Đây là

thời gian đủ dài để vợ chồng nhìn nhận, tìm ra nguyên nhân mâu thuẫn và cùng khắc phục để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà T và ông C vẫn không hàn gắn được. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[3] Về con chung: bà T và ông C có 02 con chung tên Nguyễn Gia B sinh ngày 06/10/2002 và Nguyễn Bảo Q sinh ngày 05/01/2006. Con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: bà T và ông C cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: bà T và ông C cùng khai không có nợ chung, Ngân hàng TMCP S và Tổ chức tài chính vi mô C không có yêu cầu độc lập trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Ngân hàng TMCP S và Tổ chức tài chính vi mô C được quyền khởi kiện vụ án khác nếu có tranh chấp về nợ chung với bà T và ông C.

[6] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng bà T phải chịu theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Diễm T và ông Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: bà T và ông C có 02 con chung tên Nguyễn Gia B sinh ngày 06/10/2002 và Nguyễn Bảo Q sinh ngày 05/01/2006. Con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

3. Về tài sản chung: bà T và ông C cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4.Về nợ chung: bà T và ông C cùng khai không có nợ chung, Ngân hàng TMCP S và Tổ chức tài chính vi mô C không có yêu cầu độc lập trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Ngân hàng TMCP S và Tổ chức tài chính vi mô C được quyền khởi kiện vụ án khác nếu có tranh chấp về nợ chung với bà T và ông C.

5. Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm

nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007285 ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- UBND Phường P.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương